

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HS-ST

Ngày: 05-02-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Đắc Toàn; Ông Nguyễn Ron .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Chí Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 76/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXXST-HS ngày 23/12/2025 đối với các bị cáo:

1. N H G H; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 03/01/2004, tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Tổ A, khu phố D, phường Q, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông N C, sinh năm 1964 và bà N T T D (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 27/5/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. T M N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/10/2005, tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: 2 B, phường Q, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông T M T, sinh năm 1976 và bà N T L C1, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 27/5/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/01/2025, N H G H sử dụng ứng dụng Telegram, thấy tài khoản có tên “T S (TS)” (không rõ lai lịch) đăng bán cần sa nên liên hệ hỏi mua. Hai bên thỏa thuận mua 75 gam cần sa với giá 5.000.000 đồng. Người bán cho biết sẽ gửi ma túy theo xe khách chạy tuyến B - N từ Thành phố Hồ Chí Minh ra thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai), khi nhận hàng thì trả tiền cho nhà xe.

Trưa ngày 21/01/2025, nhân viên xe khách gọi điện cho H đến khu vực đường Q gần Bến xe Trung tâm Q để nhận hàng. H đến nhận 01 thùng giấy và giao cho nhân viên nhà xe số tiền 5.000.000 đồng. H mang về nhà mở thùng hàng, bên trong có 01 gói nilon chứa cần sa, được ngụy trang bằng nhiều gói trà. Sau đó, H chia số cần sa trên thành nhiều gói nhỏ để bán, gồm: 09 gói nilon, mỗi gói khoảng 01 gam và 02 gói nilon, mỗi gói khoảng 02 gam, rồi cất giấu trong phòng ở.

Khoảng 18 giờ ngày 01/02/2025, T M N nhận được tin nhắn từ tài khoản Telegram tên “Phước” hỏi mua 02 gam cần sa với giá 600.000 đồng. N đồng ý bán và được yêu cầu mang cần sa gửi tại nhà xe S chạy tuyến Q - Đà Nẵng, người nhận là N H P, số điện thoại 035XXXXXXX, địa chỉ Khu D, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau đó, N liên hệ N H G H hỏi mua 05 gam cần sa. H báo giá 600.000 đồng và yêu cầu N chuyển tiền vào tài khoản số 065XXXXXXX mở tại Ngân hàng T2 đứng tên H. N sử dụng tài khoản số 089XXXXXXX mở tại Ngân hàng M chuyển khoản cho H số tiền trên. N đến trước nhà H tại tổ A, khu phố D, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai) nhận 03 gói cần sa rồi mang về nhà cất giấu.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N lấy 01 gói nilon chứa 1,8441 gam cần sa, ngụy trang trong bao lì xì màu vàng, cho vào hộp giấy rồi dán kín, bên ngoài ghi thông tin người nhận như trên, sau đó mang đến nhà xe Sơn T1 tại số B T, phường Q, tỉnh Gia Lai gửi đi Khu D để bán cho P với giá 600.000 đồng. Số cần sa còn lại N đã sử dụng hết.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, Công ty TNHH K trình báo Công an thành phố Q (cũ) về việc nghi ngờ bưu kiện số hiệu 903507 có chứa chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành kiểm tra, phát hiện bên trong có 01 gói nilon chứa thực vật khô nghi là ma túy, lập biên bản thu giữ và niêm phong.

Ngày 03/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra triệu tập T M N và N H G H làm việc. Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 07/02/2025, Phòng K1 Công an tỉnh B có Kết luận giám định số 66/KL-KTHS, kết luận: Mẫu thực vật khô thu giữ tại Công ty K trong 01 gói nilon, khối lượng 1,8411 gam; mẫu thực vật khô thu giữ của N H G H trong 08 gói nilon

kích thước (7,5 x 04)cm, tổng khối lượng 11,2069 gam; và mẫu thực vật khô thu giữ của N H G H trong 01 gói nilon kích thước (20 x 12)cm, khối lượng 57,1195 gam, đều là ma túy, loại cần sa.

Cần sa là chất ma túy thuộc Danh mục I theo Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (nay là Công an tỉnh G) đã tạm giữ: 70,1675 gam ma túy loại cần sa; 02 điện thoại di động (iPhone XS và iPhone 12 Pro Max) đã qua sử dụng; 01 cân điện tử; 10 gói nilon trống và các hộp, gói giấy dùng để chứa ma túy.

Ngày 16/9/2025, Trung tâm P1 có Kết luận giám định số 1681/KLGĐ, xác định T M N bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Tại Bản cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 15/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai truy tố N H G H và T M N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, các bị cáo N H G H và T M N đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố, nên Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng.

Đối với bị cáo N H G H: Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

Đối với bị cáo T M N: Áp dụng khoản 1 Điều 251, các điểm q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; 01 cân điện tử và các bao bì đựng mẫu vật còn lại sau giám định; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động iPhone 12 Pro Max màu đen và 01 điện thoại di động iPhone XS màu đen.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Gia H phải nộp sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 270.000 đồng.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về bào chữa: Các bị cáo không bào chữa, thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng: Tại phiên tòa người làm chứng được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Ngày 20/01/2025, N H G H mua cần sa từ Thành phố Hồ Chí Minh chuyển ra thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai). Sau khi nhận được cần sa, H chia nhỏ thành nhiều gói và cất giấu trong phòng ở.

Ngày 01/02/2025, N H P nhắn tin cho T M N để hỏi mua cần sa. N liên hệ với N H G H hỏi mua 05 gam cần sa, sau đó mang về nhà cất giấu để sử dụng và bán lại. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, N ngụy trang 1,8441 gam cần sa mang đến nhà xe Sơn Tùng bán cho P với giá 600.000 đồng thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai truy tố bị cáo T M N và N H G H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo N H G H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hành vi phạm tội mang tính nhất thời, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, bảo đảm tính giáo dục, cải tạo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo T M N, căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo cũng thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T M N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có tình tiết giảm nhẹ liên quan trực tiếp đến năng lực nhận thức và khả năng điều khiển hành vi tại thời điểm phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng chính sách khoan hồng của pháp luật, căn cứ Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, làm cơ sở quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[5] Về mức hình phạt đối với các bị cáo: Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số ma túy còn lại sau giám định cùng cân điện tử và các loại vỏ, bao bì dùng để đựng mẫu vật. Xét thấy, ma túy là chất Nhà nước cấm lưu hành; cân điện tử và các loại vỏ, bao bì không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu đen và 01 điện thoại di động Iphone XS màu đen là phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo T M N và bị cáo N H G H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai và đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cũng như mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9] Về các vấn đề khác: Đối với người tên N H P, bị cáo N khai chỉ liên hệ, trao đổi để mua ma túy qua mạng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an tỉnh G không xác minh được nhân thân, lai lịch cụ thể của người này, nên chưa có căn cứ để xử lý theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 38, 47, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N H G H.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm q, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T M N.

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo N H G H và T M N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo N H G H 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo T M N 21 (Hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Xử lý vật chứng:

3.1 Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) cân điện tử và các bao bì đựng mẫu vật còn lại sau giám định (*theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/01/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Gia Lai*).

3.2 Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động iPhone 12 Pro Max màu đen và 01 (một) điện thoại di động iPhone XS màu đen (*theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/01/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Gia Lai*).

- Buộc bị cáo N H G H phải nộp sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính 270.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc bị cáo T M N và bị cáo N H G H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND KV 1 - Gia Lai;
- Phòng THADS KV 1 - Gia Lai;
- CQ CSĐT tỉnh Gia Lai;
- PC 10 CA tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Hoà